

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 40

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020

TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Tiểu ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban	
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành
Ông Trần Tuấn Anh

từ ngày 1 tháng 7 năm 2020
đến ngày 1 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành
Ông Trần Tuấn Anh

từ ngày 1 tháng 7 năm 2020
đến ngày 1 tháng 7 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61113814/22005508

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2016-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.728.011.693	96.613.582.683
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	10.608.350.723	36.796.004.199
111	1. Tiền		10.608.350.723	19.796.004.199
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	17.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	562.275.651	563.069.860
121	1. Chứng khoán kinh doanh		683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(121.596.907)	(120.802.698)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	67.337.304.872	52.041.463.223
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		43.789.225.183	45.396.105.783
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.265.521.540	9.102.381.514
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		9.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		15.413.238.920	7.733.866.093
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.130.680.771)	(10.190.890.167)
140	IV. Hàng tồn kho	8	1.937.122.729	2.471.071.911
141	1. Hàng tồn kho		1.937.122.729	2.471.071.911
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.282.957.718	4.741.973.490
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	61.687.980	237.725.531
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	2.482.637.728	689.035.303
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.738.632.010	3.815.212.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.627.858.493.581	1.589.317.237.330
220	I. Tài sản cố định		133.268.724.289	130.619.397.474
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	122.222.366.476	130.235.278.974
222	Nguyên giá		237.871.248.131	233.579.246.444
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(115.648.881.655)	(103.343.967.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	11.046.357.813	384.118.500
228	Nguyên giá		12.594.032.813	1.766.067.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.547.675.000)	(1.381.949.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	11	19.682.588.364	3.143.367.270
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.682.588.364	3.143.367.270
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.463.151.472.390	1.455.136.992.379
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.443.255.833.863	1.340.603.292.301
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.000.000.000	118.695.760.078
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(104.361.473)	(4.162.060.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.755.708.538	417.480.207
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.101.088.059	163.254.256
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	4.654.620.479	254.225.951
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.714.586.505.274	1.685.930.820.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		158.645.512.324	119.135.371.524
310	I. Nợ ngắn hạn		131.404.500.844	110.965.201.769
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	18.067.320.277	9.638.890.828
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	23.283.977.619	78.294.786
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	353.429.948	261.274.908
314	4. Phải trả người lao động		1.022.492	1.696.489.283
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		43.000.000	215.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		89.488.629	178.977.278
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17.1	84.254.308.046	93.579.820.853
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	5.311.953.833	5.316.453.833
330	II. Nợ dài hạn		27.241.011.480	8.170.169.755
337	1. Phải trả dài hạn khác	17.2	27.000.000.000	7.000.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	241.011.480	1.170.169.755
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.555.940.992.950	1.566.795.448.489
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.555.940.992.950	1.566.795.448.489
411	1. Vốn cổ phần		982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		575.440.457.850	586.294.913.389
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		586.294.913.389	383.805.199.409
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(10.854.455.539)	202.489.713.980
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.714.586.505.274	1.685.930.820.013



Trương Quốc Cường
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	233.188.673.531	320.153.650.483
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	(1.284.512.373)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	233.188.673.531	318.869.138.110
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(184.143.917.276)	(271.502.244.628)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.044.756.255	47.366.893.482
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	15.831.021.405	184.104.755.753
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(57.457.585.606) (940.602.774)	(5.410.712.087) (4.960.112.813)
25	8. Chi phí bán hàng	24, 25	(2.674.057.799)	(4.563.270.925)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(14.890.562.475)	(14.076.394.829)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.146.428.220)	207.421.271.394
31	11. Thu nhập khác		414	314.013.896
32	12. Chi phí khác		(2.040.857.301)	(71.441.354)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.040.856.887)	242.572.542
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.187.285.107)	207.663.843.936
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(3.067.564.960)	(4.820.279.745)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	26.3	4.400.394.528	(353.850.211)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(10.854.455.539)	202.489.713.980


Trương Quốc Cường
Người lập


Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.187.285.107)	207.663.843.936
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	12.470.640.185	13.816.577.440
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(884.211.989)	682.498.944
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.689.964	70.217.647
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		40.553.271.723	(184.153.443.288)
06	Chi phí lãi vay	23	940.602.774	5.301.612.818
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.898.707.550	43.381.307.497
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(7.952.647.654)	117.703.157.082
10	Giảm hàng tồn kho		533.949.182	1.355.315.390
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		28.213.564.853	(92.913.634.399)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.914.360.982)	(1.053.340.646)
14	Tiền lãi vay đã trả		(69.369.863)	(6.225.175.776)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.000.000.000)	(108.608.192)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.500.000)	(161.993.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		54.705.343.086	61.977.027.956
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(29.585.123.364)	(1.515.232.770)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	538.795.000
23	Tiền chi cho công ty con vay		(73.400.000.000)	-
24	Tiền thu từ cho vay		69.400.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty khác		(151.142.541.562)	(58.000.000.000)
26	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào các công ty khác		88.705.823.480	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức	21.2	15.134.604.875	183.912.587.009
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(80.887.236.571)	124.936.149.239

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		12.000.000.000	20.686.351.222
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.000.000.000)	(213.463.097.622)
36	Cổ tức đã trả	20.4	-	(11.533.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(192.788.279.400)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(26.181.893.485)	(5.875.102.205)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.796.004.199	42.741.402.725
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.759.991)	(70.296.321)
70	Tiền cuối năm	5	10.608.350.723	36.796.004.199



Trương Quốc Cường
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 29 (31 tháng 12 năm 2019: 30).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Cổ phần Công ty MHC

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 037/2020/STG-HĐQT ngày 8 tháng 6 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch thanh lý toàn bộ 9.523.148 cổ phần (tương ứng tỷ lệ 22,99%) của Công ty Cổ phần MHC ("MHC") với thời gian dự kiến trong tháng 6 năm 2020 và giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thanh lý cổ phần này. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thanh lý toàn bộ cổ phần của MHC với giá trị là 38.187.823.480 VND. Theo đó, Công ty đã ghi nhận lỗ từ khoản đầu tư với số tiền là 56.345.876.598 VND (*Thuyết minh số 23*).

4.2 Thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 096/2020/STG/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 8 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch thanh lý toàn bộ vốn điều lệ là 28.740.000.000 đồng của Công ty TNHH MTV Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh") với thời gian dự kiến đến hết quý 3 năm 2020 và giao cho Ban điều hành Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thoái vốn này. Vào ngày 2 tháng 10 năm 2020, Công ty đã hoàn tất thanh lý toàn bộ vốn điều lệ của Sotrans Hà Tĩnh với giá trị là 50.518.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã ghi nhận lãi từ khoản đầu tư với số tiền là 658.000.000 VND (*Thuyết minh số 21.2*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“VTX”), công ty con của Công ty

Trong năm, Công ty đã mua thêm 1.938.046 cổ phiếu phổ thông của VTX với trị giá 36.610.541.562 VND, tương đương 9,17% vốn cổ phần của VTX. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại VTX từ 84,00% đến 93,17% (Thuyết minh số 12).

4.4 Mua thêm cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Sowatco”), công ty con của Công ty

Trong năm, Công ty đã mua thêm 6.000.000 cổ phiếu phổ thông của Sowatco với trị giá 108.162.000.000 VND, tương đương 8,94% vốn cổ phần của Sowatco. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Sowatco từ 84,40% đến 93,34% (Thuyết minh số 12).

4.5 Mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”), công ty con của Công ty

Trong năm, Công ty đã mua thêm 980.000 cổ phiếu phổ thông của Cảng Miền Nam với trị giá 12.740.000.000 VND, tương đương 49% vốn cổ phần của Cảng Miền Nam. Theo đó, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Cảng Miền Nam từ 51% đến 100% (Thuyết minh số 12).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	405.072.133	1.305.701.400
Tiền gửi ngân hàng	10.203.278.590	18.490.302.799
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
TỔNG CỘNG	10.608.350.723	36.796.004.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý							
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	6.275.651	(121.596.907)	127.872.558	7.069.860	(120.802.698)					
Trong đó:											
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	5.802.600	(120.949.847)	126.752.447	6.382.860	(120.369.587)					
Chứng khoán khác	1.120.111	473.051	(647.060)	1.120.111	687.000	(433.111)					
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	688.521.739	-	556.000.000	556.000.000	-					
Trong đó:											
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	556.000.000	688.521.739	-	556.000.000	556.000.000	-					
TỔNG CỘNG	683.872.558	694.797.390	(121.596.907)	683.872.558	563.069.860	(120.802.698)					

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	43.789.225.183	45.396.105.783
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>25.683.542.665</i>	<i>22.621.251.499</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Long Thành Phát</i>	<i>7.462.933.200</i>	<i>3.699.473.150</i>
<i>Công ty TNHH Colgate Palmolive (Việt Nam)</i>	<i>1.619.682.614</i>	<i>2.316.402.374</i>
<i>Công ty TNHH Cảng Phước Long</i>	<i>1.446.925.200</i>	<i>2.489.124.360</i>
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>7.576.141.504</i>	<i>14.269.854.400</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.265.521.540	9.102.381.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh</i>	<i>8.773.817.614</i>	<i>8.773.817.614</i>
<i>Các khoản trả trước khác</i>	<i>491.703.926</i>	<i>328.563.900</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn	9.000.000.000	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistic (Thuyết minh số 27) (*)</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (Thuyết minh số 27) (**)</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>-</i>
Phải thu ngắn hạn khác	15.413.238.920	7.733.866.093
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>10.804.117.945</i>	<i>2.692.855.809</i>
<i>Phí vận chuyển trả hộ</i>	<i>4.091.341.918</i>	<i>4.874.490.002</i>
<i>Ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>10.000.000</i>	<i>32.005.382</i>
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	<i>-</i>	<i>134.514.900</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>507.779.057</i>	<i>-</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.130.680.771)	(10.190.890.167)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>67.337.304.872</u>	<u>52.041.463.223</u>

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất 5,275%/năm và kỳ hạn trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(**) Đây là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất 5,275%/năm và kỳ hạn trả đến ngày 23 tháng 1 năm 2021. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ khoản cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(10.190.890.167)	(9.271.161.155)
Dự phòng trích lập trong năm	(222.798.604)	(996.703.012)
Hoàn nhập dự phòng	<u>283.008.000</u>	<u>76.974.000</u>
Số cuối năm	<u>(10.130.680.771)</u>	<u>(10.190.890.167)</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng đang đi trên đường	1.194.909.090	507.745.455
Hàng hóa	<u>742.213.639</u>	<u>1.963.326.456</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.937.122.729</u>	<u>2.471.071.911</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu năm	183.506.684.246	5.201.356.100	43.715.384.194	1.155.821.904	233.579.246.444
Mua mới trong năm	4.292.001.687	-	-	-	4.292.001.687
Phân loại lại	(100.650.200)	(178.923.900)	-	279.574.100	-
Số cuối năm	187.698.035.733	5.022.432.200	43.715.384.194	1.435.396.004	237.871.248.131
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	21.987.588.278	5.022.432.200	32.927.475.044	444.248.350	61.319.181.372
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(59.766.290.424)	(5.063.466.655)	(38.036.364.720)	(477.845.671)	(103.343.967.470)
Khấu hao trong năm	(10.266.473.883)	(137.889.445)	(1.731.917.341)	(168.633.516)	(12.304.914.185)
Phân loại lại	100.650.200	178.923.900	-	(279.574.100)	-
Số cuối năm	(69.932.114.107)	(5.022.432.200)	(39.768.282.061)	(926.053.287)	(115.648.881.655)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	123.740.393.822	137.889.445	5.679.019.474	677.976.233	130.235.278.974
Số cuối năm	117.765.921.626	-	3.947.102.133	509.342.717	122.222.366.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.766.067.500
Mua mới trong năm	<u>10.827.965.313</u>
Số số cuối năm	<u>12.594.032.813</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	937.437.500
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(1.381.949.000)
Khấu hao trong năm	<u>(165.726.000)</u>
Số cuối năm	<u>(1.547.675.000)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>384.118.500</u>
Số cuối năm	<u>11.046.357.813</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cải tạo văn phòng, nhà kho	19.386.656.364	2.847.435.270
Phát triển phần mềm	<u>295.932.000</u>	<u>295.932.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.682.588.364</u>	<u>3.143.367.270</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	<u><i>Số cuối năm</i></u>		<u><i>Số đầu năm</i></u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 12.1</i>)	1.443.255.833.863	-	1.340.603.292.301	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (<i>Thuyết minh số 12.2</i>)	<u>20.000.000.000</u>	<u>(104.361.473)</u>	<u>118.695.760.078</u>	<u>(4.162.060.000)</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.463.255.833.863</u>	<u>(104.361.473)</u>	<u>1.459.299.052.379</u>	<u>(4.162.060.000)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm			Tỷ lệ	
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị còn lại (VND)	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Vận tải	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimax	Vận tải	319.816.771.989	-	319.816.771.989	93,17	283.206.230.427	-	283.206.230.427	84,00
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (*)	Vận tải	108.162.000.000	-	108.162.000.000	8,94	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vận tải	91.337.061.874	-	91.337.061.874	100,00	96.337.061.874	-	96.337.061.874	100,00
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (**)	Dịch vụ cảng	22.940.000.000	-	22.940.000.000	100,00	10.200.000.000	-	10.200.000.000	51,00
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh	Vận tải	-	-	-	-	49.860.000.000	-	49.860.000.000	100,00
TỔNG CỘNG		1.443.255.833.863	-	1.443.255.833.863		1.340.603.292.301	-	1.340.603.292.301	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là 93,34% (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 84,40%).

(**) Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm tỷ lệ sở hữu vào Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam lên 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	10.000.000.000	50	10.000.000.000
Công ty TNHH Lo-Gi-Stic Gefco – Sotrans (iii)	Logistics	Đang hoạt động	-	-	25	4.162.060.000
Công ty Cổ phần MHC	Logistics	Đang hoạt động	-	-	23	94.533.700.078
TỔNG CỘNG				20.000.000.000		118.695.760.078

(i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO ("SORECO") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

(ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.

(iii) Công ty TNHH Lo-Gi-Stic Gefco – Sotrans ("Gefco – Sotrans Logistics"), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và dịch vụ kho bãi. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 099/2018/SOTRANS/NQ-HDQT ngày 28 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc giải thể Gefco – Sotrans Logistics. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Gefco - Sotrans Logistics đã hoàn tất các thủ tục pháp lý và chính thức giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phí thành viên	27.428.336	20.339.372
Công cụ, dụng cụ	17.176.313	60.411.163
Khác	17.083.331	156.974.996
TỔNG CỘNG	61.687.980	237.725.531
Dài hạn		
Chi phí thuê kho	4.952.340.000	-
Chi phí cải tạo văn phòng	1.898.290.182	-
Công cụ dụng cụ	158.569.242	46.686.256
Khác	91.888.635	116.568.000
TỔNG CỘNG	7.101.088.059	163.254.256

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)		
Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	10.012.867.890	6.027.682.537
Phạm Kim Oanh	5.200.000.000	-
Phải trả người bán khác	1.170.000.000	-
	1.684.452.387	3.611.208.291
TỔNG CỘNG	18.067.320.277	9.638.890.828

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 27</i>)		
Người mua trả tiền trước khác	23.000.000.000	-
	283.977.619	78.294.786
TỔNG CỘNG	23.283.977.619	78.294.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	261.274.908	23.679.452.023	(23.740.993.084)	199.733.847
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.056.806.627	(903.110.526)	153.696.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.067.564.960	(3.067.564.960)	-
TỔNG CỘNG	261.274.908	27.803.823.610	(27.711.668.570)	353.429.948
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.621.647.860	-	(67.564.960)	2.554.082.900
Thuế giá trị gia tăng	689.035.303	17.613.054.726	(15.819.452.301)	2.482.637.728
Thuế nhà đất	1.022.473.281	32.115.283.403	(31.953.207.574)	1.184.549.110
Thuế thu nhập cá nhân	171.091.515	-	(171.091.515)	-
TỔNG CỘNG	4.504.247.959	49.728.338.129	(48.011.316.350)	6.221.269.738

17. PHẢI TRẢ KHÁC

17.1 Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Chi hộ	2.630.747.926	10.564.261.117
Nhận ký quỹ	886.675.100	2.240.144.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	796.885.020	835.415.286
TỔNG CỘNG	84.254.308.046	93.579.820.853
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	42.630.747.926	50.564.261.117
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C</i>	39.940.000.000	39.940.000.000
<i>Phải trả các bên khác</i>	1.683.560.120	3.075.559.736

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Công ty đang nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

17.2 Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (*)	20.000.000.000	-
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>

(*) Đây là khoản nhận đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam để cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.316.453.833	5.316.453.833
Sử dụng quỹ	<u>(4.500.000)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>5.311.953.833</u>	<u>5.316.453.833</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
Năm trước				
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	518.508.646.075	1.370.854.401.175
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	202.489.713.980	202.489.713.980
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	128.154.780.000	-	(128.154.780.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	(5.473.000.000)	(5.473.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(1.075.666.666)	(1.075.666.666)
Số cuối năm	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>586.294.913.389</u>	<u>1.566.795.448.489</u>
Năm nay				
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	586.294.913.389	1.566.795.448.489
Lỗ thuần trong năm	-	-	(10.854.455.539)	(10.854.455.539)
Số cuối năm	<u>982.533.570.000</u>	<u>(2.033.034.900)</u>	<u>575.440.457.850</u>	<u>1.555.940.992.950</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND'000	% sở hữu	Số lượng cổ phần	Giá trị VND'000	% sở hữu
Công ty TNHH North Star Logistics	53.819.980	538.199.800	54,78	53.819.980	538.199.800	54,78
Công ty Cổ phần Giao nhận và vận chuyển In Do Trần	41.234.827	412.348.270	41,97	41.054.267	410.542.670	41,78
Cổ đông khác	3.198.550	31.985.500	3,26	3.379.110	33.791.100	3,44
TỔNG CỘNG	98.253.357	982.533.570	100	98.253.357	982.533.570	100

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20.4 Cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã trả trong năm	-	11.533.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	233.188.673.531	320.153.650.483
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	133.071.478.242	189.792.381.023
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	100.117.195.289	130.361.269.460
Hàng bán bị trả lại	-	(1.284.512.373)
Doanh thu thuần	233.188.673.531	318.869.138.110
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần về bán hàng hóa</i>	133.071.478.242	188.507.868.650
<i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i>	100.117.195.289	130.361.269.460

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.837.998.400	183.882.800.424
Lãi tiền gửi	1.821.133.872	29.895.009
Lợi nhuận từ thanh lý đầu tư	658.000.000	-
Lãi cho vay	475.472.603	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	38.416.530	192.060.320
TỔNG CỘNG	15.831.021.405	184.104.755.753

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	119.230.993.556	174.962.827.430
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	64.912.923.720	96.539.417.198
TỔNG CỘNG	184.143.917.276	271.502.244.628

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý đầu tư	56.345.876.598	-
Chi phí lãi vay	940.602.774	4.960.112.813
Dự phòng các khoản đầu tư	106.711.120	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.813.379	109.099.269
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	341.500.005
Khác	57.581.735	-
TỔNG CỘNG	57.457.585.606	5.410.712.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.674.057.799	4.563.270.925
Chi phí nhân viên	1.730.503.849	1.876.697.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	560.338.418	1.744.454.722
Khấu hao tài sản cố định	132.971.216	146.736.002
Chi phí bán hàng khác	250.244.316	795.382.237
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.890.562.475	14.076.394.829
Chi phí nhân viên	6.564.765.804	6.797.826.990
Thuế, phí và lệ phí	3.792.466.277	2.396.918.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.551.025.771	1.533.152.740
Khấu hao tài sản cố định	145.366.500	141.924.266
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(60.209.396)	1.348.207.287
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.897.147.519	1.858.365.185
TỔNG CỘNG	17.564.620.274	18.639.665.754

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	119.230.993.556	174.962.827.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.831.985.440	84.574.038.419
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	12.470.640.185	13.816.577.440
Chi phí nhân viên	8.295.269.653	8.674.524.954
Chi phí khác	5.879.648.716	8.113.942.139
TỔNG CỘNG	201.708.537.550	290.141.910.382

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN năm nay	-	4.711.671.553
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	3.067.564.960	108.608.192
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.067.564.960 (4.400.394.528)	4.820.279.745 353.850.211
TỔNG CỘNG	(1.332.829.568)	5.174.129.956

Dưới đây là đối chiếu giữa (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và (lỗ) thu nhập tính thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.187.285.107)	207.663.843.936
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(2.437.457.021)	41.532.768.787
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(2.567.599.680)	(36.776.537.800)
Chi phí không được trừ	604.662.173	309.290.777
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN sau điều chỉnh	(4.400.394.528)	5.065.521.764
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	3.067.564.960	108.608.192
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	(1.332.829.568)	5.174.129.956

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ) tính thuế) thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ) tính thuế) thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì (lỗ) tính thuế) thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	4.590.199.383	-	4.590.199.383	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	48.202.296	234.033.951	(185.831.655)	(48.102.636)
Chi phí phải trả	16.218.800	20.192.000	(3.973.200)	(305.747.575)
TỔNG CỘNG	4.654.620.479	254.225.951	4.400.394.528	(353.850.211)

26.4 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗi lũy kế với tổng giá trị là 22.950.996.915 VND (31 tháng 12 năm 2019: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND				
<i>Có thể</i>		<i>Đã chuyển</i>		<i>Chưa chuyển</i>
<i>Năm chuyển</i>	<i>phát lỗi đến</i>	<i>lỗi đến ngày</i>	<i>Không được</i>	<i>lỗi tại ngày</i>
<i>sinh</i>	<i>năm</i>	<i>Lỗi tính thuế</i>	<i>chuyển lỗi</i>	<i>lỗi tại ngày</i>
2020	2025	(i) 22.950.996.915	-	22.950.996.915

(i) Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính này chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Cho vay	60.000.000.000	-
		Thu hồi khoản cho vay	60.000.000.000	-
		Thuê cảng	23.000.000.000	-
		Bán hàng	22.446.054.644	23.828.718.184
		Doanh thu tài chính	666.260.274	-
		Cung cấp dịch vụ	89.488.656	89.488.656
		Chi phí tài chính	69.369.863	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	55.065.951.181	38.667.621.544
		Cổ tức được chia	12.750.000.000	2.550.000.000
		Bán hàng	1.543.144.191	2.268.364.747
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Doanh thu cho thuê kho	22.892.304.438	12.231.000.652
		Mua dịch vụ	17.346.019.633	31.510.197.266
		Bán hàng	7.924.409.810	7.984.382.199
		Cho vay	6.000.000.000	-
		Doanh thu tài chính	89.313.699	-
		Đầu tư	-	96.337.061.874
		Cung cấp dịch vụ	-	31.446.024.170
		Doanh thu cung cấp dịch vụ giao nhận	-	204.419.211
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua tài sản cố định	15.119.967.000	-
		Cho vay	7.400.000.000	-
		Cho thuê	286.000.000	10.333.829
		Doanh thu tài chính	79.226.164	-
		Bán hàng	3.329.454	40.431.039
		Cổ tức được chia	-	7.046.700.000
Công ty Cổ phần Xây lắp công trình	Công ty con	Mua dịch vụ	-	684.158
		Sử dụng dịch vụ	13.910.280.909	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức được chia	-	169.875.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Công ty mẹ từ ngày 1 tháng 7 năm 2020	Cung cấp dịch vụ	-	2.761.816.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	23.773.620.455	19.441.630.129
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.463.560.000	2.781.700.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Bán hàng hóa	300.300.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Bán xăng dầu	146.062.210	397.921.370
			25.683.542.665	22.621.251.499
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Phải thu cổ tức	10.200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	511.891.781	2.682.664.874
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	92.226.164	10.190.935
			10.804.117.945	2.692.855.809
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cho vay	4.000.000.000	-
			9.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	5.091.367.890	6.027.682.537
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	4.921.500.000	-
			10.012.867.890	6.027.682.537
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con	Thuê cảng	23.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

					VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
Phải trả ngắn hạn khác						
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000		
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Trả hộ	2.630.747.926	10.564.261.117		
			42.630.747.926	50.564.261.117		
Phải trả dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc thuê cảng	7.000.000.000	7.000.000.000		

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau:

			VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>		
Ông Đặng Vũ Thành	832.276.093	37.400.000		
Ông Trần Tuấn Anh	774.616.200	1.067.714.356		
Ông Đỗ Lê Hùng	587.400.000	177.320.000		
Ông Đặng Doãn Kiên	112.200.000	131.000.000		
Bà Đỗ Thị Phương Lan	66.000.000	131.000.000		
Ông Trần Quang Tiến	60.500.000	444.040.521		
Ông Nguyễn Quốc Thúc	46.200.000	-		
Ông Nguyễn Văn Tuấn	-	56.100.000		
Ông Đỗ Hoàng Phương	-	37.400.000		
Ông Lê Bá Thọ	-	37.400.000		
TỔNG CỘNG	2.479.192.293	2.119.374.877		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	31.679.516.305	1.916.475.000
Từ 1 đến 5 năm	16.744.306.360	7.665.900.000
Trên 5 năm	55.048.165.357	44.078.925.000
TỔNG CỘNG	<u>103.471.988.022</u>	<u>53.661.300.000</u>

Kiện tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ liên quan cho việc tranh tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	50.408,33	429.415
- Đồng Euro (EUR)	224,48	8.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Trương Quốc Cường
Người lập



Nguyễn Hoàng Giang
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021